

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên luồng (tuyến) đường thủy nội địa địa phương các tuyến: Sông Múc, sông Vọp, sông Sò

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, bảo trì công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Thông tư số 45/2025/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định chi phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Thông tư số 12/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật các hao phí ca máy cho các phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 338/TTr-SXD ngày 20 tháng 5 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4584/SXD-CVĐTND ngày 20 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên luồng (tuyến) đường thủy nội địa địa phương các tuyến: Sông Múc, sông Vọp, sông Sò, với các nội dung sau:

1. Tên dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên luồng (tuyến) đường thủy nội địa địa phương các tuyến: Sông Múc, sông Vọp, sông Sò.

2. Cơ quan quản lý: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.

3. Đơn vị lập dự toán: Trung tâm Bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.

4. Mục tiêu thực hiện: Quản lý, bảo vệ, duy trì khả năng khai thác của các tuyến đường thủy nội địa địa phương đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

5. Các nội dung và khối lượng chủ yếu

5.1. Bảng tổng hợp khối lượng tài sản kết cấu hạ tầng để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên

STT	Tên luồng đường thủy nội địa	Điểm khởi đầu	Điểm kết thúc	Chiều dài (km)
1	Sông Múc	Ngã ba sông Ninh Cơ thuộc xã Hải Hậu	Ngã ba sông Ninh Cơ thuộc xã Hải Thịnh	26,5
2	Sông Sò	Cửa biển thuộc xã Giao Ninh	Sông Hồng thuộc xã Giao Thủy	20,25

STT	Tên luồng đường thủy nội địa	Điểm khởi đầu	Điểm kết thúc	Chiều dài (km)
3	Sông Vọp	Sông Hồng (cửa Ba Lạt) thuộc xã Giao Hoà	Cồn Lu thuộc xã Giao Minh	15,00
Tổng cộng				61,75

5.2. Các hạng mục công việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên chủ yếu

a) Công tác quản lý: Tổ chức kiểm tra tuyến thường xuyên toàn bộ tuyến luồng; cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công việc hoàn thành từng tuyến của các đơn vị bảo trì đường thủy nội địa...

b) Công tác bảo dưỡng báo hiệu đường thủy nội địa (biển báo hiệu, phao,...)

c) Các công tác đặc thù trong quản lý bảo trì đường thủy nội địa: Trực đảm bảo giao thông, trực bão lũ (cập nhật số liệu luồng đường thủy và tình hình bão lũ), phát quang cây cối che khuất báo hiệu...

Khối lượng thực hiện các công việc trên được xác định trên cơ sở thực tế, các công việc ưu tiên, cấp thiết cần thực hiện, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức bảo dưỡng thường xuyên và kinh phí được giao. Đối với các đoạn tuyến trong thời gian có dự án đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, thời gian bảo hành sẽ được giảm trừ khối lượng không cần thực hiện để tránh trùng nhiệm vụ, bảo đảm tiết kiệm kinh phí.

Trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, nếu thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa, bảo hành khác với dự kiến thì được điều chỉnh hợp đồng theo đúng quy định cho phù hợp với thực tế và phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; trường hợp bổ sung đoạn tuyến, công trình mới vào hợp đồng hoặc điều chỉnh đoạn tuyến, bàn giao công trình cho dự án đầu tư xây dựng, dự án sửa chữa định kỳ mà chưa xác định tại Quyết định này (trường hợp chuyển đoạn tuyến hoặc bàn giao công trình mới cho dự án đầu tư xây dựng trong thời gian thực hiện hợp đồng) thì sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị thực hiện hợp đồng tương ứng.

6. Phạm vi thực hiện: Trong phạm vi luồng và hành lang an toàn luồng đường thủy nội địa.

7. Dự toán kinh phí: 1.842.226.000 đồng (Một tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 1.749.200.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 38.747.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 54.279.000 đồng.

Cụ thể như sau:

a) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2026: 133.290.000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 126.695.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.838.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 3.757.000 đồng.

b) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026: 585.175.000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 553.388.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 12.396.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 19.391.000 đồng.

c) Kinh phí thực hiện năm 2027: 912.566.000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 868.192.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 19.094.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 25.280.000 đồng.

d) Kinh phí thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028: 211.195.000 đồng, trong đó:

- Chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên: 200.925.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 4.419.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 5.851.000 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp kinh tế ngân sách địa phương.

9. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2028 (27 tháng).

10. Phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: Đấu thầu.

11. Các nội dung khác

Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, thời gian bắt đầu, kết thúc triển khai thi công các dự án đầu tư xây dựng và dự án sửa chữa (nếu có), thời gian bắt đầu, kết thúc bảo hành các dự án, việc xác định Dự toán công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên của năm tiếp theo liền kề bảo đảm phù hợp với kế hoạch bảo trì, dự toán chi theo quy định. Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị thực hiện hợp đồng tương ứng làm căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng của năm và thanh toán theo đúng quy định; chịu trách nhiệm toàn diện về sự tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng căn cứ Dự toán được phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì Sở Xây dựng chủ động điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 148/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã: Xuân Trường, Xuân Hưng, Hải Hậu, Hải Hưng, Hải Quang, Hải Tiên, Hải Xuân, Hải Thịnh, Giao Hoà, Giao Minh, Giao Ninh, Giao Bình, Giao Thủy;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các VP2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.
TD_VP4_QĐ25

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn